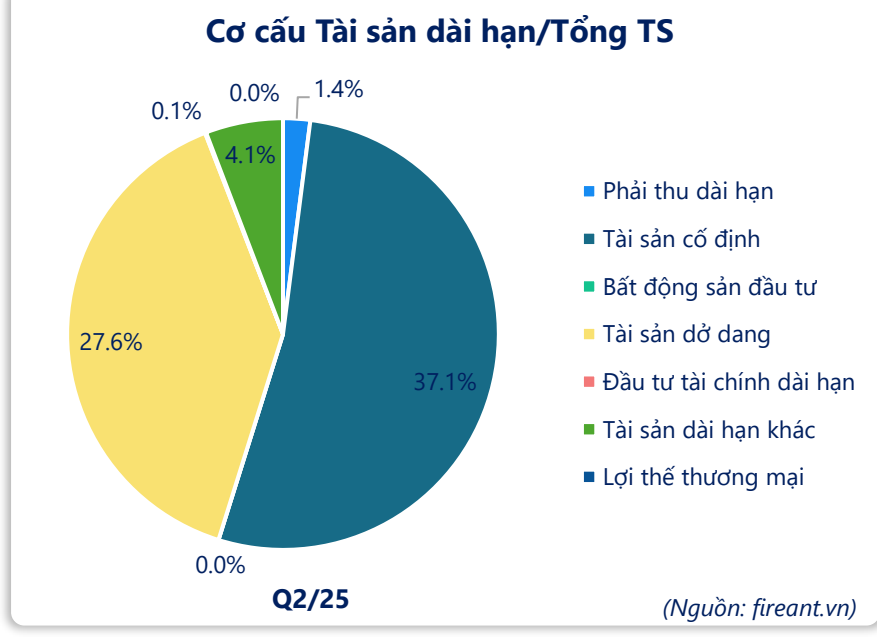
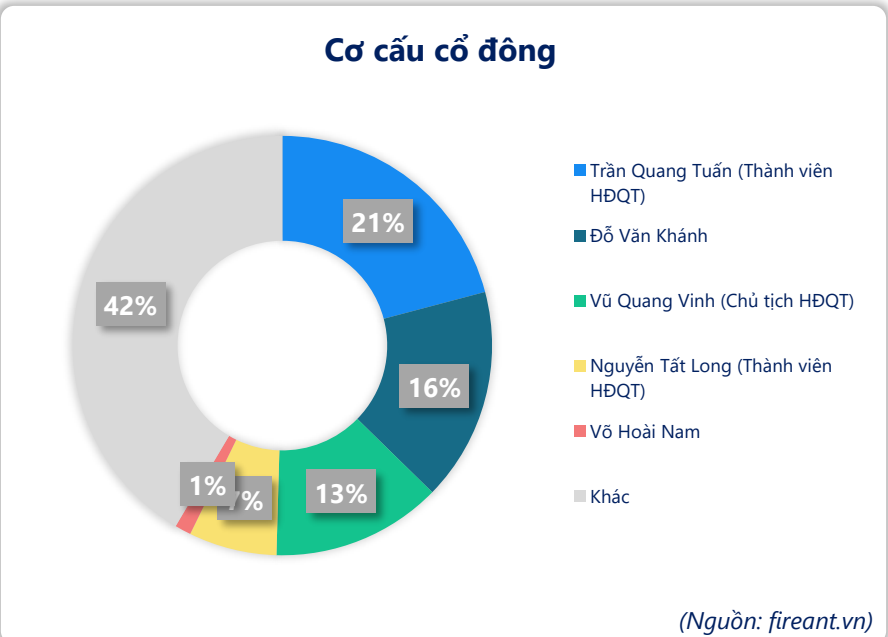
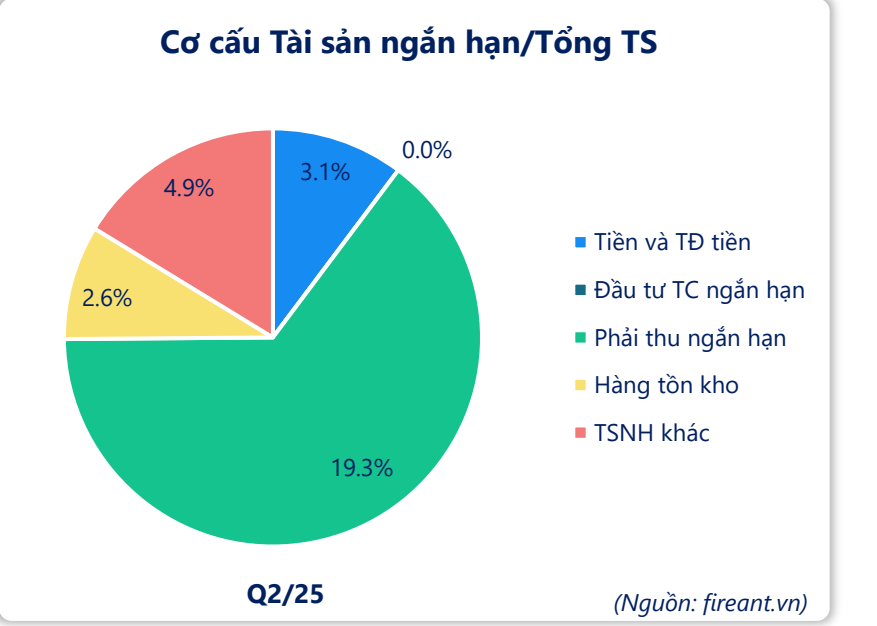
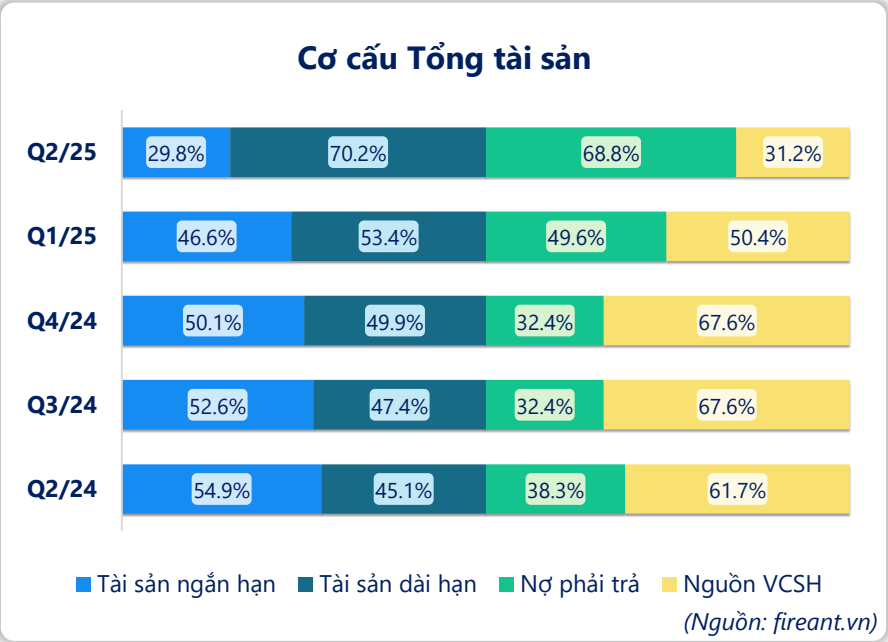
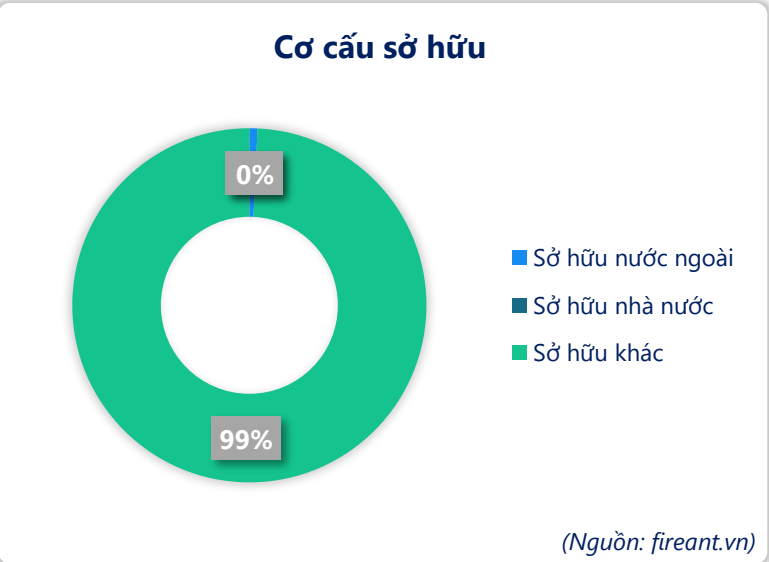
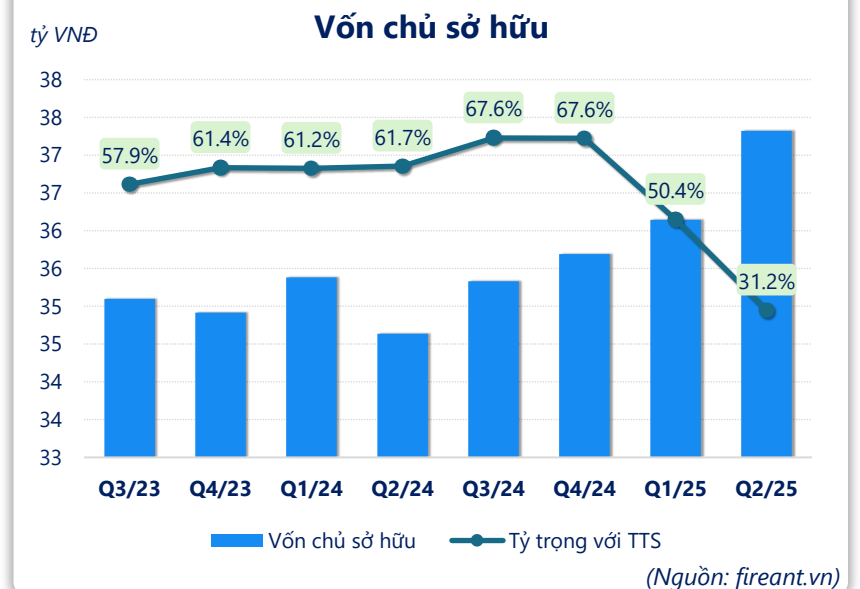
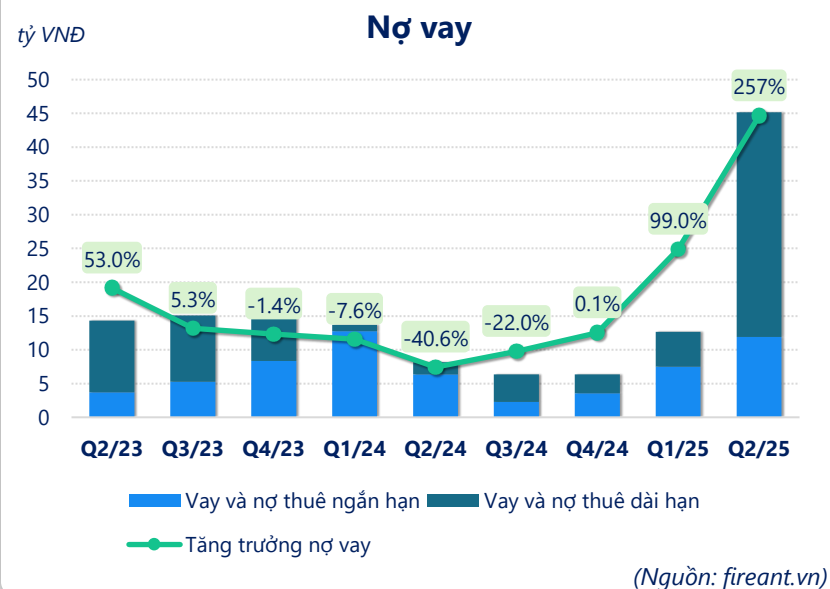
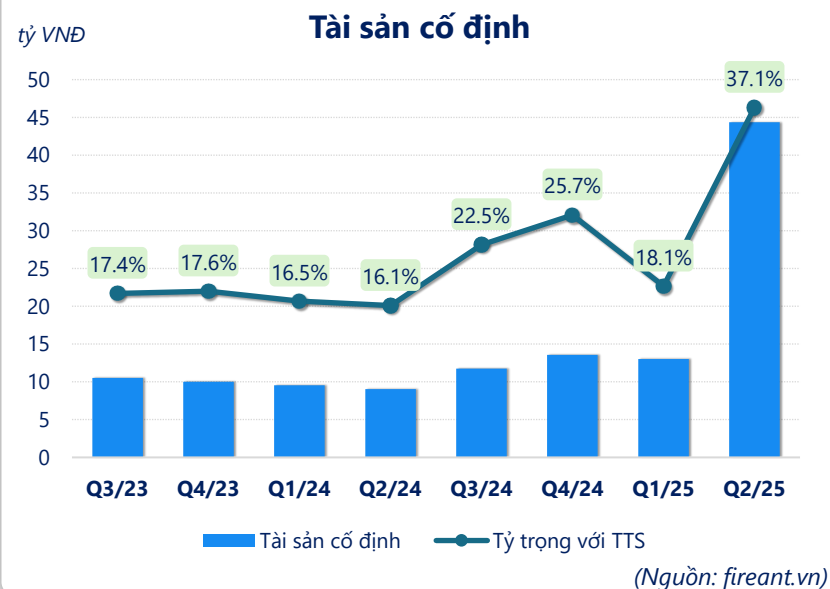
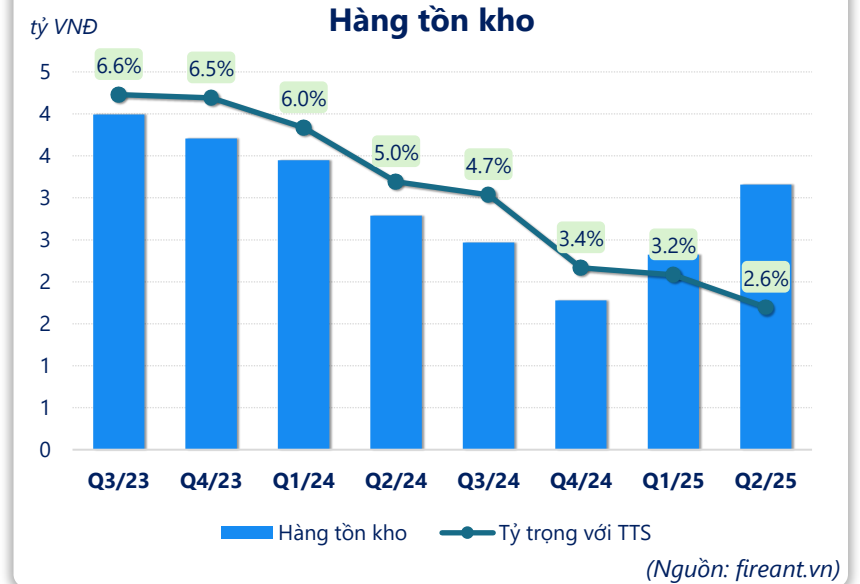
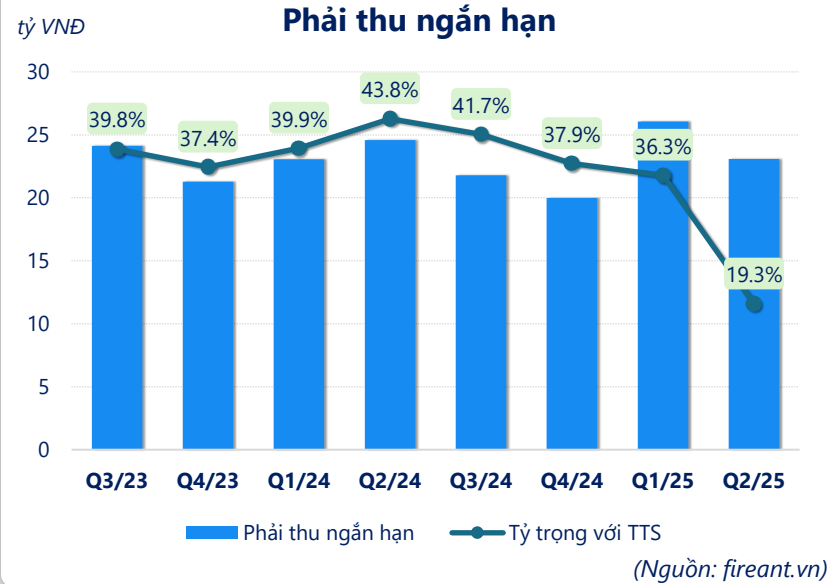
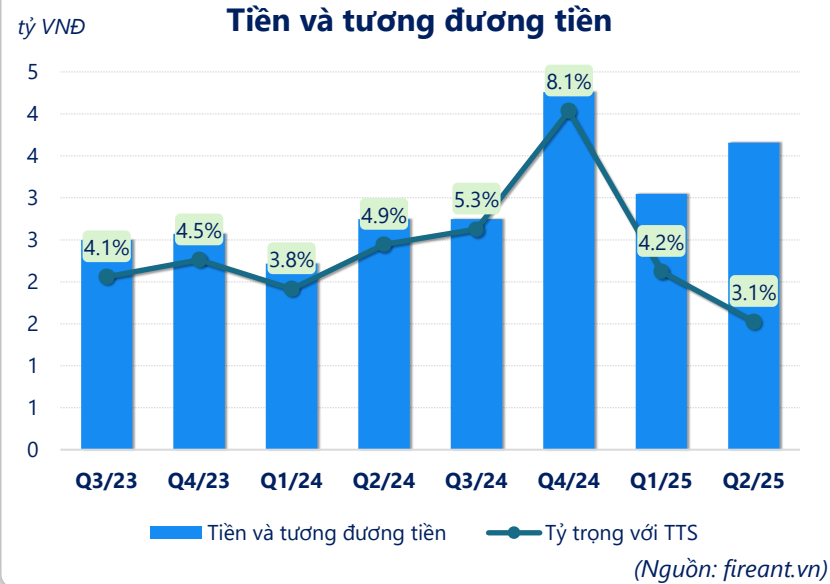
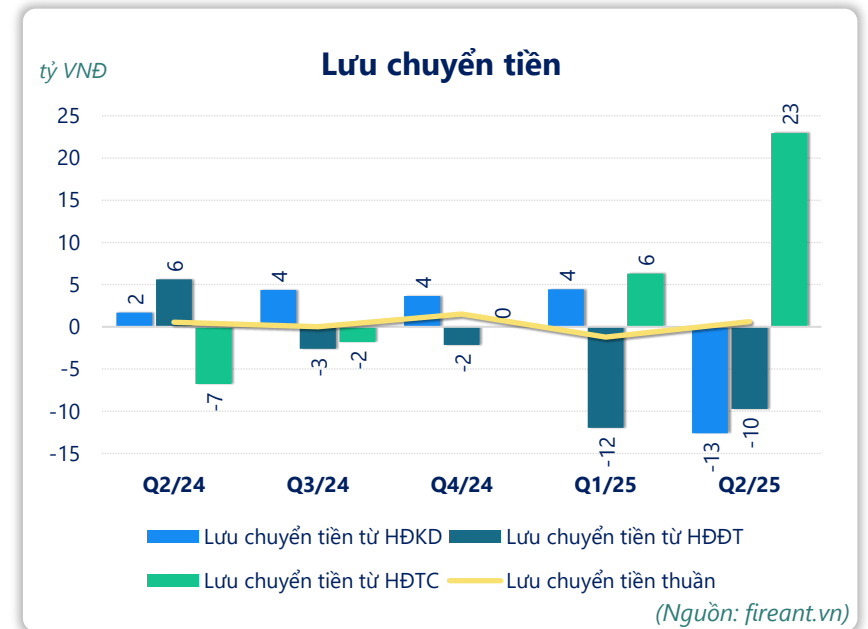
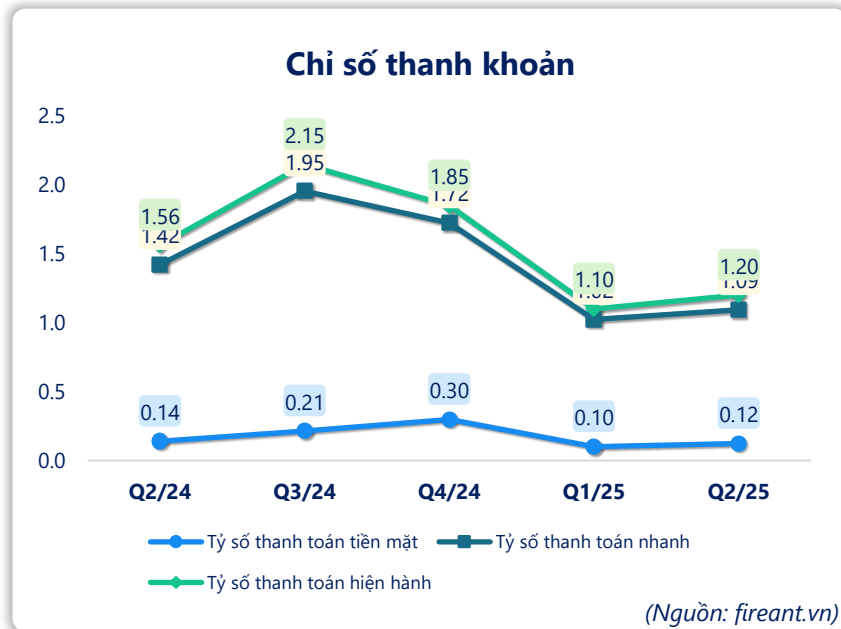
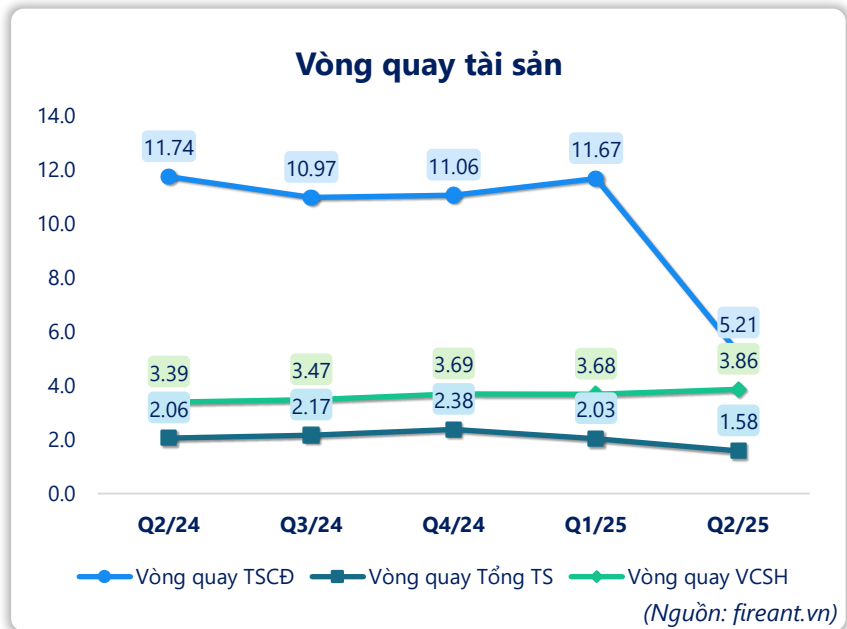
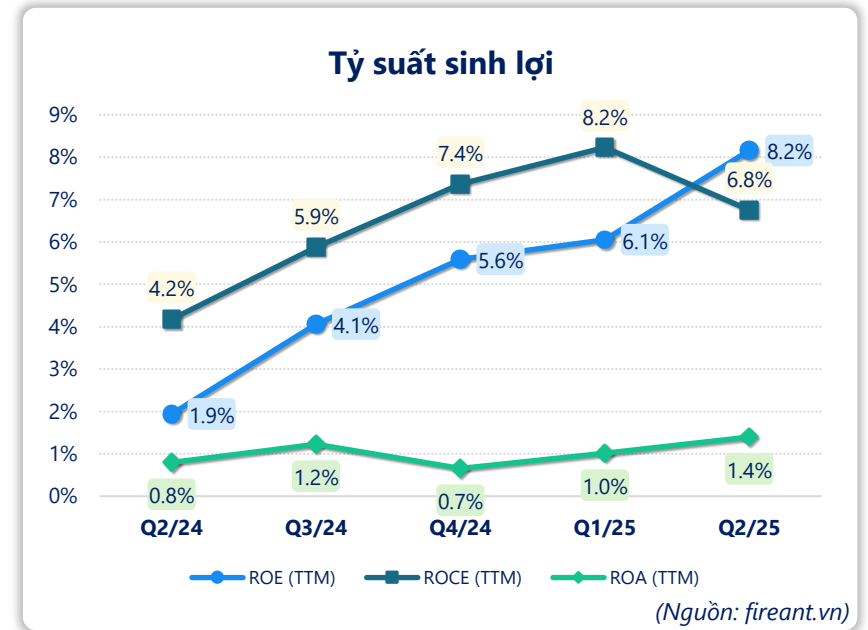
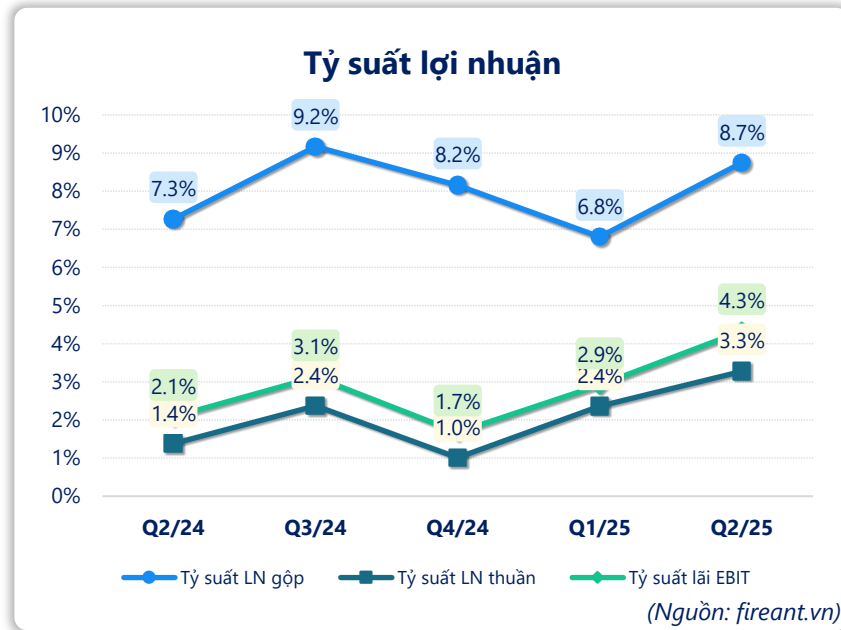
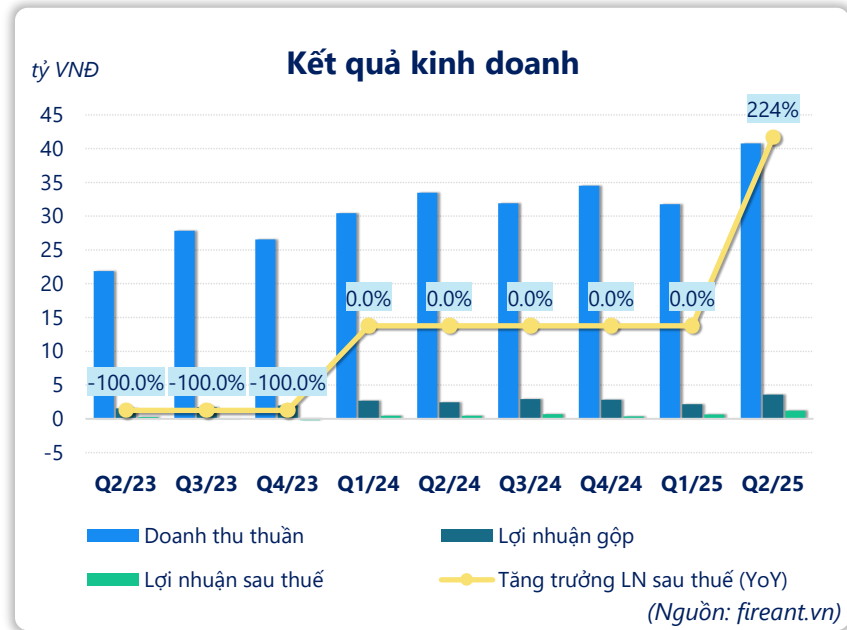


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,105
SL cổ phiếu LH		3,099,849
KLGD BQ 20 phiên (CP)		19,405
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		58
P/E		19.6
EPS		947

	YTD	1T	3T	6T
PRC	143.2%	-6.5%	69.3%	149.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	120	52.8	127%
Tài sản ngắn hạn	35.7	26.5	34.8%
Tiền và tương đương tiền	3.66	4.26	-14.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	23.1	20.0	15.3%
Hàng tồn kho	3.16	1.78	77.5%
Tài sản ngắn hạn khác	5.81	0.42	1270%
Tài sản dài hạn	84.0	26.3	219%
Phải thu dài hạn	1.71	0	
Tài sản cố định	44.4	13.6	227%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	33.0	11.6	185%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.07	0.07	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.88	1.15	323%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	82.4	17.1	381%
Nợ ngắn hạn	29.8	14.9	100%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.9	4.09	191%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.9	7.01	99.0%
Nợ dài hạn	52.6	2.27	2217%
Vay và nợ thuê dài hạn	33.3	2.27	1366%
Nguồn vốn chủ sở hữu	37.3	35.7	4.6%
Vốn chủ sở hữu	37.3	35.7	4.6%
Vốn điều lệ	31.0	12.0	158%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	33.5	31.9	34.5	31.8	40.8
Giá vốn hàng bán	31.0	29.0	31.7	29.6	37.2
Lợi nhuận gộp	2.43	2.93	2.82	2.16	3.57
Doanh thu HĐTC	0.09	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.14	0.13	0.12	0.10	0.43
Chi phí lãi vay	0.14	0.13	0.12	0.10	0.21
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.37	0.41	0.40	0.32	0.31
Chi phí QLDN	1.55	1.63	1.95	1.00	1.49
LN thuần từ HĐKD	0.46	0.75	0.35	0.75	1.34
Lợi nhuận khác	0.09	0.11	0.11	0.08	0.22
LN trước thuế	0.56	0.87	0.46	0.83	1.55
Lợi nhuận sau thuế	0.46	0.69	0.36	0.66	1.23
LNST của CĐ cty mẹ	0.46	0.69	0.36	0.66	1.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.68	4.39	3.66	4.46	-12.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.62	-2.59	-2.15	-12.0	-9.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.77	-1.80	0.01	6.30	23.0
Tiền đầu kỳ	2.22	2.75	2.75	4.26	3.05
Lưu chuyển tiền thuần	0.53	0.00	1.51	-1.21	0.61
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.75	2.75	4.26	3.05	3.66

(Nguồn: fireant.vn)